

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 67/CBTT-LGM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

V/v công bố thông tin Báo cáo thường niên
năm 2022 của Công ty Legamex

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

- Mã Chứng khoán : LGM
- Địa chỉ trụ sở chính : 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028. 22146121 Fax: 028 3864 1265

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/4/2023 tại đường dẫn: <https://legamex.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cao/bao-cao-thuong-nien/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người được uỷ quyền công bố thông tin
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT-BTGD



Lê Xuân Khanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA
VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66 /BCTN-LG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300734844
- Vốn điều lệ: 74.000.000.000 VND (Bảy mươi bốn tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 74.000.000.000 VND (Bảy mươi bốn tỷ đồng)
- Địa chỉ: 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.22146087
- Số fax: (84.8) 8641265
- Website: www.legamex.vn
- Mã cổ phiếu: LGM
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) là Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu (Quận 10) trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh được thành lập ngày 15/08/1986, theo quyết định số 105/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhiệm vụ chính là sản xuất và gia công giày da, hàng may mặc xuất khẩu sang Liên Xô cũ và một số nước khác.

Tháng 08/1988, Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu Quận 10 được phép sử dụng tên viết tắt "Legamex" (từ ghép của các mẫu tự đầu tiên các từ trong tên gọi Công ty bằng tiếng Anh là Leather Footwear and Garment Making Exporting Factory) để giao dịch với khách hàng nước ngoài.

Tháng 12/1988, do quy mô, cơ sở sản xuất phát triển lớn, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định đổi tên Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu Quận 10 thành Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) với nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh các mặt hàng thuộc ngành dệt – da – may, phục vụ xuất khẩu và thị trường trong nước.

Tháng 8/1991, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định chuyển giao Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10 về trực thuộc Sở Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Tháng 12/2005, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) thành Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (Quyết định số 6663/QĐ-UBND).

Ngày 25/08/2006, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty cổ phần số 410300519 cho CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX) (Được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công Ty Giày Da và May Mặc Xuất Khẩu, số ĐKKD: 102143 do Trọng tài Kinh tế cấp ngày: 11/12/1993), đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 02 năm 2021, mã số doanh nghiệp: 0300734844.

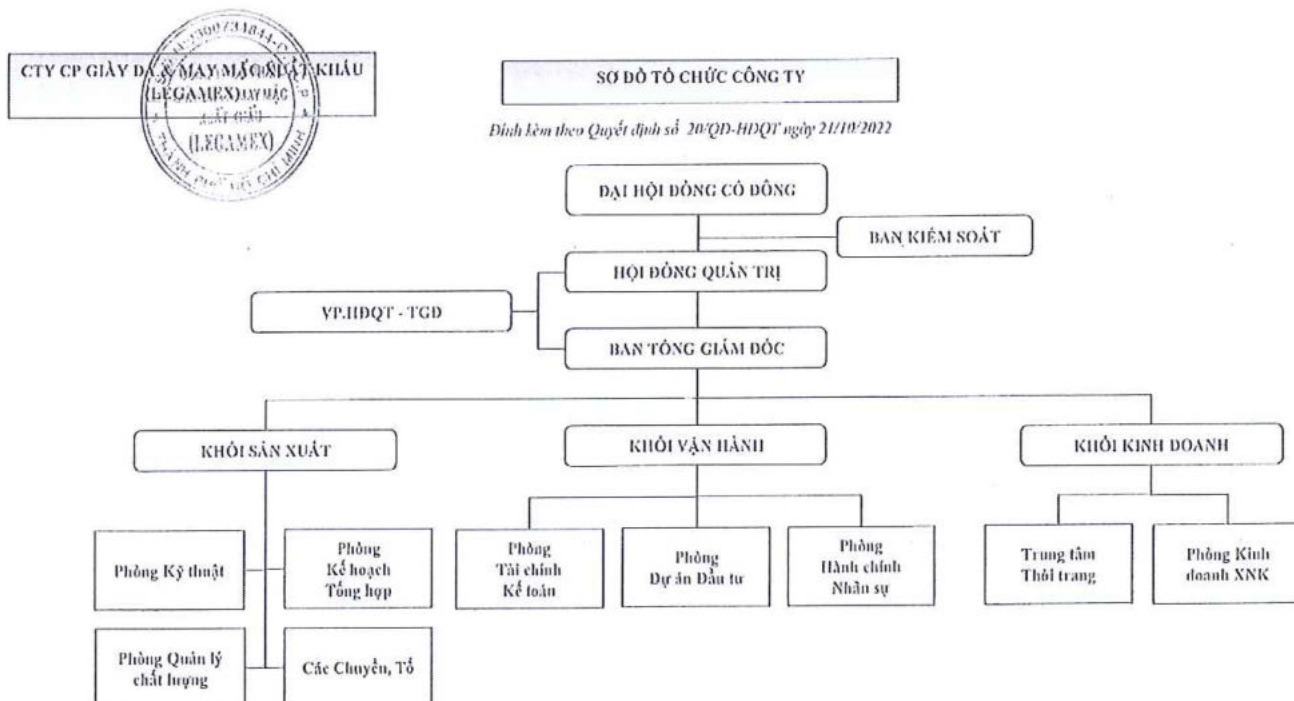
Ngày 18/12/2019, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán LGM) đã chính thức giao dịch lần đầu tiên trên hệ thống giao dịch UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 7.400 đồng/cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Công nghiệp may (trừ tây, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng tại địa điểm kinh doanh) (Mã ngành: 1410).
- Địa bàn kinh doanh: Kinh doanh chính tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban Kiểm soát;
 - + Ban Tổng Giám đốc.
- Sơ đồ tổ chức đến ngày thực hiện báo cáo: Sơ đồ tổ chức ban hành kèm theo Quyết định 20/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2022 của Hội đồng quản trị.



4. Định hướng phát triển năm 2022:

Năm 2021 là năm thực sự khó khăn đối với ngành dệt may Việt Nam, khi chuỗi cung ứng liên tục bị đứt gãy. Thế nhưng, vượt qua mọi khó khăn, ngành dệt may vẫn duy trì đà tăng trưởng tốt. Năm 2022, dịch Covid-19 tiếp tục đe dọa tới sự phát triển của ngành dệt may, tuy nhiên, nhiều tổ chức quốc tế đánh giá dệt may Việt Nam ở vị trí cao nhất trong cơ hội phục hồi năm 2022. Mặc dù tăng trưởng xuất khẩu tốt trong năm 2021 nhưng xét về thị phần, dệt may Việt Nam không có sự cải thiện. Trong số các thị trường xuất khẩu chính của dệt may Việt Nam năm 2021, ngoài Mỹ, có sự phục hồi bằng năm 2019 với khoảng 100 tỷ USD kim ngạch nhập khẩu hàng may mặc; các thị trường lớn còn lại của dệt may Việt Nam khả năng phục hồi thấp, thậm chí thấp hơn năm 2020. Điều này tiếp tục là thách thức cho ngành năm 2022. Cùng đó, doanh nghiệp dệt may trong nước sẽ phải đối mặt với hàng loạt thách thức từ nội tại: Chi phí vận tải cao gấp 3 lần so với mức trung bình 5 năm trở lại đây; bất lợi về tỷ giá khiến dệt may Việt Nam giảm sức cạnh tranh trước các đối thủ; mất cân đối lao động, doanh nghiệp khu vực phía Nam vẫn thiếu lao động, trong khi khu vực này chiếm khoảng 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành.

Năm 2022, dự báo tình hình dịch Covid-19 trên thế giới và ở Việt Nam vẫn diễn biến rất phức tạp, khó lường. Tuy nhiên, cộng đồng doanh nghiệp dệt may tin tưởng Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất ổn định trong trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt.

- Về hoạt động sản xuất gia công: Trong năm 2022, Công ty Legamex đặt kế hoạch tập trung tối đa vào mảng sản xuất gia công tủ vải cho Công ty Cổ Phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (“Gilimex”) do nguồn hàng gia công lớn, ổn định lâu dài; cơ sở vật chất, hạ tầng của Công ty Legamex đáp ứng được nhu cầu hoạt động sản xuất; đặc biệt tay nghề của công nhân đã thành thục. Dự kiến, Công ty Legamex sẽ nhận sản xuất gia công 247.404 tủ vải tương ứng giá trị sản lượng đạt 227.364.276.000 đồng, trong đó Legamex sẽ thực hiện gia công 120.157 tủ vải và giao lại cho Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định (Giditex) thực hiện gia công 127.247 tủ vải. Doanh thu thực hiện là 227.882.592.000 đồng chiếm 94,74% doanh thu năm 2022. Lợi nhuận gộp là 19.097.514.673 đồng chiếm 8,38% doanh thu thực hiện.

- Về hoạt động đầu tư tài chính: Năm 2022, Công ty có các khoản đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vicosimex).

- Về hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác mặt bằng: Với chính sách của Nhà nước về tiền thuê đất tại các khu đất của Công ty trong thời gian tới dự báo sẽ tăng lên (vì không được áp dụng tiền thuê theo chu kỳ ổn định 05 năm mà mỗi năm tiền thuê đất đều phải tăng lên theo quy định) sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất. Trong khi ngoài các mặt bằng đang phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì các mặt bằng còn lại chưa được hoàn thiện về thủ tục pháp lý theo quy định nên chưa thể đưa vào khai thác có hiệu quả. Trong năm 2022, Ban điều hành đặt mục tiêu cơ bản hoàn thiện pháp lý của một số mặt bằng để đưa vào khai thác kinh doanh mang lại doanh thu cho Công ty.

- Về hoạt động quản trị điều hành công ty:

+ Thực hiện theo quy chế tiền lương sau 02 năm làm việc người lao động sẽ được nâng lương lên 1 bậc dẫn đến quỹ lương tối thiểu năm 2022 so với năm 2021 tăng thêm 792.420.000 đồng; đồng thời mức đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cũng tăng lên, làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Theo đánh giá nhà xưởng của khách hàng các kho chứa nguyên vật liệu, thành phẩm sản xuất đã xuống cấp cũng phải sửa chữa, cải tạo.

+ Chi phí sản xuất cũng dành một khoản không nhỏ cho công tác tuyển dụng: in phát tờ rơi, đăng báo tuyển dụng,...

5. Các rủi ro:

Bên cạnh những thuận lợi, Legamex cũng gặp những khó khăn nhất định:

- Trong công tác tuyển dụng lao động: hiện nay, Công ty Legamex vẫn có nhu cầu tuyển dụng lao động. Tuy nhiên, thị trường lao động tại TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung có đang những khó khăn nhất định, người lao động hiện nay có xu hướng muốn tham gia vào các ngành nghề dịch vụ, khu công nghiệp tại các tỉnh mở ra nhiều nên công nhân ở các tỉnh cũng ít về thành phố tìm việc hơn so với các năm trước. Vị trí của công ty nằm ở trung tâm Quận 10, nên công tác tuyển dụng lao động may cũng khó khăn hơn những quận khác.

- Năm 2022 kinh tế âm ảm đạm, lạm phát và suy thoái kinh tế dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc sụt giảm mạnh ở các thị trường chính như EU, Mỹ,... từ cuối năm 2022, một số doanh nghiệp ngành may mặc buộc phải cắt giảm lao động để giảm chi phí.

- Đối với Legamex, năm 2022 đơn hàng giảm mạnh do đứt gãy đơn hàng tủ vải, việc chuyển sang đa dạng các mặt hàng thời trang may mặc cần nhiều thời gian nhưng gặp khó khăn do lạm phát và suy thoái kinh tế nêu trên dẫn đến đơn hàng khan hiếm, không ổn định và cạnh tranh về giá. Do đó, Công ty cân đối lại lực lượng lao động cho phù hợp nhằm giảm thiểu chi phí chờ thị trường dật may phục hồi.

- Đồng thời, cơ quan Nhà nước đã có các quy định chặt chẽ, thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nhà đất của các doanh nghiệp, cá nhân. Do đó, Công ty Legamex cần phải tăng cường công tác quản lý, sử dụng nhà - đất, mặt bằng, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và mang lại hiệu quả cho Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

- **Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính:** (Đvt: đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Tăng/giảm so với thực hiện 2021
Doanh thu thuần	94,463,393,107	128,739,386,075	36%
Hoạt động may gia công	84,986,724,788	115,275,088,631	36%
Hoạt động bán hàng	9,216,086,476	10,547,209,139	14%
Hoạt động cho thuê tài sản	195,284,192	2,544,524,675	1203%
Hoạt động khác	65,297,651	372,563,630	471%
Giá vốn	99,809,421,357	121,507,066,338	22%
Lợi nhuận gộp	(5,346,028,250)	7,232,319,737	235%
Hoạt động may gia công	(10,715,232,218)	1,659,748,710	115%
Hoạt động bán hàng	(1,565,049,737)	1,439,938,476	192%
Hoạt động cho thuê tài sản	195,284,192	2,314,541,251	1085%
Hoạt động khác	20,629,599	128,546,788	523%
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6,718,339,914	1,689,544,512	-75%
Doanh thu tài chính	4,503,826,566	1,753,038,760	-61%
Chi phí tài chính	(789,410,425)	285,623,855	136%
Lợi nhuận tài chính	5,293,236,991	1,467,414,905	-72%
Thu nhập khác	1,155,587,835	189,316,741	-84%
Chi phí khác	2,961,451,763	5,052,552,283	71%
Lợi nhuận khác	(1,805,863,928)	(4,863,235,542)	169%
Chi phí bán hàng	1,862,295,163	1,386,263,670	-26%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,685,155,360	14,844,864,742	8%
Tổng lợi nhuận trước thuế	(17,406,105,710)	(12,394,629,312)	-29%

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Hoạt động sản xuất, may gia công: Năm 2022, sau đại dịch Covid-19 Công ty dần đi vào ổn định sản xuất chủ yếu sản xuất gia công tủ vải. Trong 03 tháng cuối năm do ảnh hưởng của việc đứt gãy đơn hàng gia công tủ vải Công ty chuyển dần sang sản xuất đơn hàng thời trang trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của lạm phát, suy thoái kinh tế dẫn đến đơn hàng gia công khan hiếm, đơn giá cạnh tranh. Điều này đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ nền kinh tế thế giới, hoạt động của ngành dệt may cũng chịu sự ảnh hưởng nặng nề. Đơn hàng dệt may thật sự khan hiếm. Nhiều doanh nghiệp dệt may thiếu đơn hàng sản xuất trầm trọng. Các nhà máy phải đóng cửa hoặc buộc phải cắt giảm lao động và sẵn sàng chấp nhận đơn giá sản xuất thấp để thích nghi với tình hình thực tại. Các đơn hàng mà Ban Điều hành kiếm được cũng chỉ đáp ứng ở mức độ duy trì việc làm cho người lao động trong công ty chứ không có hiệu quả, mặc dù doanh thu tăng 36%, lợi nhuận gộp tăng 235% nhưng không bù đắp đủ chi phí tiền thuê đất hàng năm và lãi chậm nộp trong năm ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

+ Hoạt động bán hàng: Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) vẫn tiếp tục hợp tác với hệ thống CO.OP Mart, sản xuất và cung cấp các sản phẩm may mặc nhãn riêng các loại cho hệ thống CO.OP Mart, Đây là khách hàng lâu năm, với đơn hàng ổn định hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện việc cung cấp đồng phục cho các ngân hàng, doanh nghiệp.

+ Hoạt động khai thác mặt bằng: Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) vẫn đang quản lý, sử dụng các mặt bằng thuê, từng bước kiện toàn pháp lý để đáp ứng để điều kiện kinh doanh theo quy định.

+ Hoạt động đầu tư tài chính: Trong năm 2022, Công ty nhận được khoản cổ tức 1.690.000.000 đồng từ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vicosimex). Năm 2022, Công ty đang triển khai thực hiện việc thoái vốn khoản đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vicosimex) theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 03/10/2022 để bổ sung nguồn tiền, trợ lực cho hoạt động sản xuất gia công trong quá trình chuyển đổi đa dạng mặt hàng gia công.

2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành tính đến thời điểm 31/12/2022.**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần(%)
1	Lê Hồng Chiến	Tổng giám đốc	1974	0
2	Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó Tổng giám đốc	1992	0
3	Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	1969	1.600 CP (0.0216%)

- **Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Lê Hồng Chiến	TGD	Tái bổ nhiệm từ ngày 11/03/2022 theo QĐ số 02/QĐ-HĐQT ngày 11/03/2022
2	Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó TGD	Bổ nhiệm từ ngày 21/10/2022 theo QĐ số 22/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2022
3	Bùi Thị Hồng Thanh	Phó TGD Sản xuất	Bổ nhiệm từ ngày 11/3/2022 theo QĐ số 03/QĐ-HĐQT ngày 11/3/2022 Miễn nhiệm từ ngày 21/10/2022 theo QĐ số 21/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2022

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 377 cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Không.

b. Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết: Không.

c. Các khoản đầu tư tài chính khác: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam (1)	1.680.000.000	1.680.000.000	-	1.680.000.000	1.680.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định (2)	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
Cộng	11.280.000.000	11.280.000.000		11.280.000.000	11.280.000.000	

(1): Là khoản đầu tư số lượng 169.000 cổ phần.

(2): Là khoản đầu tư số lượng 800.000 cổ phần.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	130,552,065,870	111,207,287,990	-15%
Doanh thu thuần	94,463,393,107	128,739,386,075	36%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(15,600,241,782)	(7,531,393,770)	-52%
Lợi nhuận khác	(1,805,863,928)	(4,863,235,542)	169%
Lợi nhuận trước thuế	(17,406,105,710)	(12,394,629,312)	-29%
Lợi nhuận sau thuế	(19,083,538,243)	(12,744,273,972)	-33%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2,579)	(1,722)	-33%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1/ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1.03	0.86	
Hệ số thanh toán nhanh : (Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0.96	0.72	
2/ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	0.77	0.85	
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	3.38	5.53	
3/ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn hàng bán /hàng tồn kho bình quân	vòng	13.39	14.82	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	vòng	0.72	1.16	
4/ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	(0.20)	(0.10)	
Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	(0.49)	(0.54)	
Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	(0.16)	(0.11)	
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD /Doanh thu thuần	%	(0.17)	(0.06)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Số lượng cổ phiếu:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng
7.400.000	Phổ thông	7.400.000	0

b. Cơ cấu cổ đông (cập nhật đến ngày 24/10/2022):

Phân loại cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn	2	5.459.034	73.77
Cổ đông nhỏ	313	1.940.966	26.23

Phân loại cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông tổ chức	4	3.857.000	52.12
Cổ đông cá nhân	311	3.543.000	47.88
Cổ đông nước ngoài	2	14.000	0,19
Cổ đông trong nước	313	7.386.000	99,81
Cổ đông còn nắm giữ cổ phần nhà nước (nhà nước nắm giữ 49% cổ phần của cổ đông)	1	3.774.000	51,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	74,000,000,000	4,003,156,282	9,605,117,855	-38,745,425,008	48,862,849,129
Tăng trong năm trước				-19,083,538,243	-19,083,538,243
Giảm trong năm trước					
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	74,000,000,000	4,003,156,282	9,605,117,855	-57,828,963,251	29,779,310,886
Tăng trong năm				-12,744,273,972	-12,744,273,972
Giảm trong năm					
Số dư cuối năm	74,000,000,000	4,003,156,282	9,605,117,855	-70,573,237,223	17,035,036,914

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường, không bị các khoản phạt hay bồi thường về các vấn đề liên quan đến môi trường.

b. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, thu nhập bình quân người lao động:
 - + Số lượng lao động: tại ngày 31/12/2022, công ty có 377 cán bộ công nhân viên.
 - + Thu nhập bình quân người lao động: 8.344.192 đồng/tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - + Đảm bảo thời giờ làm việc theo đúng quy định pháp luật;
 - + Đảm bảo chế độ phúc lợi cho người lao động: tiền mừng đám cưới, thăm viếng người thân qua đời, chi mai táng cho người lao động chết, trợ cấp khó khăn đột xuất, thăm hỏi công nhân nghèo trong các ngày tết, chế độ ăn giữa ca, chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm; chế độ các ngày lễ trong năm: quốc tế phụ nữ, quốc tế thiếu nhi, tết trung thu, tết dương lịch, âm lịch...
 - + Đảm bảo chế độ nghỉ hàng năm cho người lao động;
 - + Khám sức khỏe cho người lao động: mỗi năm/lần;
 - + Trang bị bảo hộ lao động theo quy định;

- + Chi trả chế độ tai nạn cho người lao động theo đúng quy định.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Tùy vào tính chất công việc, người lao động có liên quan được tham gia các chương trình đào tạo phù hợp của Công ty như sau: CBCNV được tham gia đào tạo ngắn hạn theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của đơn vị và bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.
- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:
 - + Chính sách lương:
 - Đảm bảo việc xây dựng và áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương phù hợp quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
 - Đảm bảo công bằng giữa người lao động, trên cơ sở trách nhiệm được giao và hiệu quả, năng suất, chất lượng công việc hoàn thành.
 - Tạo động lực khuyến khích người lao động thi đua sản xuất.
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và các quy định của Nhà nước có liên quan. Chính sách trả lương, thưởng của Công ty có thể được cân đối và điều chỉnh cho thích hợp từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với khả năng chi trả và thực tế hoạt động của Công ty.
 - Mỗi lao động được trả lương, trả thưởng theo vị trí, chức danh công việc đảm nhận tùy thuộc vào năng lực, trình độ chuyên môn, khối lượng và tính chất phức tạp của công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc được giao căn cứ theo thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan chức năng.
 - + Chính sách khen thưởng: Hàng tháng, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV, Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần thưởng được tính và trả ngay vào kỳ lương tháng đó của CBCNV. Mục đích:
 - Khen thưởng CBCNV theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc.
 - Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBCNV phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh.
 - Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.
 - + Chế độ phúc lợi:
 - Phụ cấp suất ăn giữa ca, suất ăn tăng ca, phụ cấp làm thêm giờ...
 - Phụ cấp nhà trọ hoặc có nhà lưu trú cho công nhân ở tỉnh.
 - Đóng BHYT, BHXH, BHTN khi được ký kết Hợp đồng lao động chính thức.
 - Các chế độ phúc lợi: Sinh nhật, tang ma, cưới hỏi, đau bệnh, phụ cấp xăng xe; Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định pháp luật.
 - Chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường hoàn thiện.
 - Quà khuyến học cho các cháu thiếu nhi vào cuối năm học, vào các dịp Quốc tế thiếu nhi, tết Trung thu,...
 - Các phong trào Văn - Thể - Mỹ do Công ty tổ chức vào các dịp Lễ hội.
- c. **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:** Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/08/2022, trong năm 2022 Legamex đã thực hiện:

- Doanh thu thuần 128.739.386.075 đồng, tăng 36 % so với năm 2021;
- Giá vốn hàng bán tăng 22% so với năm 2021;
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế (12.744.273.972) đồng.

Năm 2022, sau đại dịch Covid-19 Công ty dần đi vào ổn định sản xuất. Trong 03 tháng cuối năm do ảnh hưởng của việc đứt gãy đơn hàng gia công tủ vải Công ty chuyển dần sang sản xuất đơn hàng thời trang trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của lạm phát, suy thoái kinh tế dẫn đến đơn hàng gia công khan hiếm, đơn giá cạnh tranh. Điều này đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ nền kinh tế thế giới, hoạt động của ngành dệt may cũng chịu sự ảnh hưởng nặng nề. Đơn hàng dệt may thật sự khan hiếm. Nhiều doanh nghiệp dệt may thiếu đơn hàng sản xuất trầm trọng. Các nhà máy phải đóng cửa hoặc buộc phải cắt giảm lao động và sẵn sàng chấp nhận đơn giá sản xuất thấp để thích nghi với tình hình thực tại. Các đơn hàng mà Ban Điều hành kiểm được cũng chỉ đáp ứng ở mức độ duy trì việc làm cho người lao động trong công ty chứ không có hiệu quả, ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2022 của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản công ty là 111.207.287.990 đồng, giảm 19.344.777.880 đồng so với tổng tài sản công ty tại ngày 31/12/2021.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17/12/2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (“GDI”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) cho Dự án Lega Fashion House (“Dự án”), theo đó Công ty góp vốn bằng Quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền.

- Theo Biên bản thanh lý HĐHTKD ngày 09/6/2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11/5/2017, hai đối tác của OGC đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và GDI đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty Legamex.

- Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04/8/2017 và Biên bản hợp số 12/BB-HĐQT ngày 7/11/2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC.

- Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho GDI và OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 44.632.481.920 VND. Ngoài ra, Công ty cũng phải cân đối nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ về thuế, tiền thuê đất,... với Nhà nước với số tiền 38.396.208.843 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2022, tiếp tục duy trì cải tiến trong cơ cấu tổ chức: tiếp tục nâng cao trách nhiệm và năng lực người lao động, thực hiện các chương trình thi đua tăng năng suất, tăng thu nhập cho người lao động. Đẩy mạnh tăng năng suất đi đôi với việc đảm bảo chất lượng sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đối với hoạt động sản xuất may: Ổn định sản xuất, định hướng sản phẩm chủ lực là mặt hàng thời trang xuất khẩu, trong nước và các sản phẩm liên quan. Đồng thời đẩy mạnh năng suất nhưng phải đảm bảo chất lượng. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy trình, biện pháp

kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm đã đề ra. Song song đó, thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm sản xuất tại thời điểm thích hợp, phù hợp với năng lực và Công ty đã có nền tảng vững chắc. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đảm bảo cung cấp đầy đủ nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất, kế hoạch phát triển của Công ty.

- Đối với hoạt động quản lý, sử dụng các mặt bằng: Hoàn thiện hồ sơ pháp lý các khu đất Công ty đang quản lý, xử lý các vấn đề tồn đọng, vướng mắc (nếu có)... để từ đó có chính sách quản lý, sử dụng đất hiệu quả và phù hợp quy định pháp luật, điều kiện thực tế công ty.

- Đối với hoạt động kinh doanh đơn hàng: Tiếp tục khai thác hiệu quả các đơn hàng cung cấp đồng phục cho các ngân hàng, các hợp đồng cung ứng sản phẩm may mặc cho SGC, HD Bank. Xúc tiến các hoạt động quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, tham gia các chương trình hội chợ hàng may mặc... Tiếp tục tìm kiếm các đối tác mới có nhu cầu.

- Đối với dự án Lega Fashion House tại số 106 đường 3 tháng 2 phường 14, quận 10, TP.HCM: Tiếp tục triển khai các bước, thủ tục để hoàn thành công tác điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 tại dự án và thực hiện các công tác pháp lý tiếp theo. Xây dựng lộ trình cụ thể để có thể giải quyết dứt điểm Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án này với các đối tác trước đây nhằm tiếp tục thực hiện và đưa dự án vào khai thác sử dụng.

- Đối với hoạt động đầu tư tài chính: Rà soát, cơ cấu lại các khoản mục đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Legamex (Vicosimex, GDI,...), để từ đó có chủ trương chính sách đầu tư phù hợp, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn của Legamex tại các doanh nghiệp này.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Ngày 31/3/2023, Công ty Legamex ban hành Công văn số 56/CV-LG gửi UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội giải trình ý kiến ngoài trừ trong Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán, cụ thể:

- Thực hiện theo công bố, Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) ở trang 6 phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoài trừ đã ghi:

“Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.10, Công ty không phát sinh chi phí thực hiện dự án ngoài chi phí là tiền thuê đất lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền 30.484.620.508 VND. Việc Công ty vốn hóa chi phí trong năm liên quan đến dự án trong thời gian tạm ngừng triển khai là chưa phù hợp;

Như bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.3, V.16, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ quá hạn của Công ty CP Dệt may Gia Định (Công ty mẹ) với số tiền 36.379.447.944 VND, đồng thời Công ty CP Dệt may Gia Định (Công ty mẹ) cũng chưa xuất hóa đơn cho khối lượng gia công đã hoàn thành với số tiền 15.634.228.175 VND.

Nếu công ty hạch toán đầy đủ chi phí nêu trên sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.”

Công ty chúng tôi xin được giải trình ý kiến ngoài trừ trong Báo cáo tài chính như sau:

Căn cứ Điều 10- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ/NK3 ngày 28/12/2018 của đại hội cổ đông thường niên năm 2018 về phương án phát triển Dự án có ghi: “ Thống nhất chủ trương Công ty cổ phần Giày da và may mặc xuất khẩu (Legamex) tự triển khai dự án Trung Tâm Thời Trang Thương mại Dịch vụ cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 106 đường 3/2, P14, Q10- Ủy quyền HĐQT quyết định phương án phát triển dự án ...” Do đó các chi phí liên quan đến dự án đã được Công ty thực hiện vốn hóa từ năm 2017 đến năm 2022. Mặt khác, trong giai đoạn 3 năm 2020-2022 ảnh hưởng của dịch bệnh Covid trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó lạm phát và suy thoái kinh tế thế giới và trong nước năm 2022 đã tác động không nhỏ đến việc tiếp tục triển khai các thủ tục để phát triển dự án của công ty cũng như các đơn vị kinh doanh bất động sản khác.

Về công nợ của Công ty CP Dệt may Gia Định thì ngày 28/03/2023 Công ty Legamex đã nhận được văn bản của Công ty này xác nhận nợ và có kế hoạch, phương án thanh toán nợ nêu trên dự kiến hoàn trả trong Quý II đến quý IV/2023 và xuất hóa đơn tài chính theo quy định đối với các hợp đồng gia công còn tồn đọng.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty chấp hành nghiêm chỉnh và thực hiện tiết kiệm tiêu thụ điện, nước (nhắc nhở, thông báo, dán decal nhắc nhở cán bộ công nhân viên...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2022, mặc dù công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên công ty duy trì thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động: Có nơi lưu trú cho công nhân ở tỉnh, thực hiện chính sách hỗ trợ lương, trong đó có hỗ trợ lương cho công nhân trong quá trình học việc, các chế độ chính sách theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022, Công ty đã hỗ trợ, tổ chức thực hiện các chương trình, công tác, trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Hỗ trợ Chi phí An ninh Trật Tự cho Phường 13 và Phường 15 Quận 10;
- Hỗ trợ chăm lo các gia đình chính sách khó khăn, hộ nghèo Phường 15 Quận 10.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2022 có nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ hậu quả của dịch bệnh Covid-19 để lại, từ tháng 9/2022 khi nền kinh tế thế giới, nhất là Mỹ và Châu Âu gặp tình trạng lạm phát, suy thoái kinh tế nghiêm trọng, nhu cầu tiêu dùng của người dân giảm mạnh nên các công ty thu hẹp sản xuất. Công ty Legamex đứt gãy đơn hàng từ vải với đối tác, dẫn đến hoạt động sản xuất của Công ty bị gián đoạn do không có đơn hàng gia công. Công ty phải hoạt động cầm chừng trong giai đoạn tìm kiếm các đơn hàng mới, đa dạng hoá mặt hàng, chuyển đổi sang sản xuất gia công đơn hàng may mặc, thời trang nhưng không được thuận lợi do đơn hàng không ổn định, cạnh tranh về giá. Mặc dù vậy, Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất, giữ chân người lao động gắn bó và đồng hành cùng công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, chờ thị trường dệt may dần phục hồi.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Trong năm 2022 dưới sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong đó đã cố gắng thúc đẩy sản xuất gia công mặt hàng Tủ vải giai đoạn đầu, đa dạng hoá mặt hàng may mặc thời trang ở giai đoạn sau của năm 2022 để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đồng thời tiến hành rà soát tính pháp lý đối với các mặt bằng của Công ty nhằm kiện toàn hồ sơ pháp lý, giảm thiệt hại (nếu có) đối với các hợp đồng hợp tác được các lãnh đạo trước đây ký kết với các đối tác; tích cực thanh lý hàng hóa tồn kho, tài sản hư hỏng không cần dung để thu hồi vốn, giải quyết một phần sự mất cân đối dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 12/8/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu	Ghi chú
2	Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên điều hành	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 12/8/2022
3	Bà Đào Hồng Hạnh	Thành viên không điều hành	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 16/12/2022
4	Ông Lê Xuân Khanh	Thành viên không điều hành	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 16/12/2022
5	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên không điều hành	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 16/12/2022
6	Ông Lê Ngọc Hùng	Thành viên không điều hành	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 16/12/2022
7	Ông Huỳnh Khánh Quốc Hùng	Thành viên không điều hành	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 16/12/2022
8	Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên không điều hành	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 16/12/2022
9	Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 12/8/2022
10	Ông Nguyễn Đông Hải	Phó Chủ tịch	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 12/8/2022
11	Ông Dương Thanh Phong	Thành viên không điều hành	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 12/8/2022

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/ đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 cuộc họp và 12 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Mạnh Bằng	8/8	100%	
2	Ông Lê Ngọc Hùng	1/3	33.33%	Ủy quyền cho người khác dự họp
3	Ông Huỳnh Khánh Quốc Hùng	5/8	62.5%	Ủy quyền cho người khác dự họp
4	Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	3/3	100%	
5	Ông Dương Anh Tuấn	3/3	100%	
6	Ông Đoàn Văn Sơn	5/5	100%	
7	Ông Nguyễn Đông Hải	3/5	60%	Ủy quyền cho người khác dự họp
8	Ông Dương Thanh Phong	4/5	80%	Ủy quyền cho người khác dự họp

- Các quyết định của HĐQT:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	21/02/2022	Phê duyệt về mức lương và các khoản hỗ trợ ngoài lương đối với kế toán trưởng Công ty.
2	02/QĐ-HĐQT	11/3/2022	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với ông Lê Hồng Chiến.

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
3	03/QĐ-HĐQT	11/3/2022	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty đối với Bà Bùi Thị Hồng Thanh.
4	04/QĐ-HĐQT	11/3/2022	Tuyển dụng và bổ nhiệm Chánh văn phòng HĐQT-BTGD đối với ông Lê Xuân Khanh.
5	05/QĐ-HĐQT	11/3/2022	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty đối với Bà Bùi Thị Hồng Thanh.
6	06/QĐ-HĐQT	26/4/2022	Gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Legamex, chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2022.
7	07/QĐ-HĐQT	26/4/2022	Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
8	08/QĐ-HĐQT	26/4/2022	Thành lập Ban Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.
9	09/QĐ-HĐQT	26/4/2022	Thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.
10	10/QĐ-HĐQT	26/4/2022	Danh sách nhân sự Ban Kiểm phiếu giới thiệu trình thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.
11	11/QĐ-HĐQT	21/7/2022	Kiện toàn Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022.
12	12/QĐ-HĐQT	21/7/2022	Kiện toàn Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.
13	13/QĐ-HĐQT	21/7/2022	Kiện toàn Danh sách nhân sự Ban Kiểm phiếu giới thiệu trình thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.
14	14/QĐ-HĐQT	16/8/2022	Bầu ông Phạm Mạnh Bằng, hiện là Thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Legamex cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.
15	15/QĐ-HĐQT	03/10/2022	Thông qua Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.
16	16/QĐ-HĐQT	03/10/2022	Về giá bán khởi điểm, phương thức bán đấu giá quyền mua và toàn bộ phần vốn là 169.000 cổ phần của Công ty Legamex sở hữu tại Công ty Vicosimex.
17	17/QĐ-HĐQT	03/10/2022	Thành lập Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.
18	18/QĐ-HĐQT	03/10/2022	Thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.
19	19/QĐ-HĐQT	03/10/2022	Về danh sách Ban Kiểm phiếu giới thiệu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 để thông qua.
20	20/QĐ-HĐQT	21/10/2022	Sửa đổi Sơ đồ tổ chức và Sơ đồ các chức danh quản lý Công ty Legamex.
21	21/QĐ-HĐQT	21/10/2022	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty đối với bà Bùi Thị Hồng Thanh theo đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 21/10/2022.
22	22/QĐ-HĐQT	21/10/2022	Tuyển dụng và bổ nhiệm Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu hiện là thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Legamex.
23	23/QĐ-HĐQT	21/10/2022	Miễn nhiệm chức danh người phụ trách quản trị Công ty đối với bà Bùi Thị Hồng Thanh.
24	24/QĐ-HĐQT	21/10/2022	Bổ nhiệm Ông Lê Xuân Khanh hiện là Chánh Văn phòng HĐQT-BTGD giữ chức danh người phụ trách quản trị Công ty Legamex.
25	25/QĐ-HĐQT	24/11/2022	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 lần thứ 2 vào lúc 08 giờ, ngày 16 tháng 12 năm 2022.

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
26	26/QĐ-HĐQT	24/11/2022	Thông qua chủ trương vay vốn của tổ chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
27	27/QĐ-HĐQT	06/12/2022	Kiện toàn Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 (triệu tập lần thứ hai).
28	28/QĐ-HĐQT	06/12/2022	Kiện toàn danh sách Ban Kiểm phiếu giới thiệu thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 (triệu tập lần thứ hai).

- Các Nghị quyết của HĐQT:

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	12/01/2022	1. Về chế độ, chính sách tết Nguyên đán Nhâm Dần (2022) cho người lao động; 2. Về công tác nhân sự Chánh Văn phòng HĐQT – TGD.	100%
2	02/NQ-HĐQT	14/01/2022	1. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 Công ty. 2. Giao Tổng Giám đốc đàm phán, ký kết hợp đồng, phối hợp với đơn vị kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán, phát hành Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán đúng tiến độ; báo cáo Hội đồng quản trị trước khi trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định.	100%
3	03/NQ-HĐQT	21/02/2022	Phê duyệt việc nâng mức lương Kế toán trưởng từ bậc III lên bậc IV đối với bà Nguyễn Thị Lan Trà và giữ nguyên các khoản hỗ trợ ngoài lương đang hưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại tờ trình số 15/TTr-TGD ngày 08/2/2022.	100%
4	04/NQ-HĐQT	11/3/2022	1. Về việc tiếp tục bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Lê Hồng Chiến. 2. Không thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tài chính Đầu tư đối với ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu. 3. Về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Sản xuất đối với bà Bùi Thị Hồng Thanh. 4. Về việc bổ nhiệm chức vụ Chánh văn phòng Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc (HĐQT-BTGD) đối với ông Lê Xuân Khanh 5. Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty đối với bà Bùi Thị Hồng Thanh. 6. Về kết quả thực hiện một số nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 (từ ngày 28/12/2021 đến 16/02/2022). 7. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh ('SXKD') năm 2022.	100%
5	05/NQ-HĐQT	26/4/2022	1. Thông qua việc gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Legamex, chậm nhất ngày 30/6/2022. 2. Về Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100%

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			3. Về tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. 4. Về công tác và nhân sự Thư ký HĐQT. 5. Về mức thu nhập đối với Người phụ trách quản trị công ty.	
6	06/NQ-HĐQT	14/6/2022	1. Về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội. 2. Liên quan đến Hợp đồng dịch vụ pháp lý đối với khu đất tại Biên Hòa, Đồng Nai và khu đất số 467C Cách Mạng Tháng Tám, Q.10, TP.HCM. 3. Liên quan đến việc tăng vốn tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex).	100%
7	07/NQ-HĐQT	22/6/2022	1. Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 lần thứ 2 vào lúc 08 giờ, ngày 14/7/2022; Ngày phát hành thông báo mời họp lần 2 là ngày 22/6/2022 2. Các nội dung còn lại của Kế hoạch triệu tập, tài liệu họp tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 26/4/2022 không thay đổi.	100%
8	08/NQ-HĐQT	12/7/2022	Giao Tổng Giám đốc, Ban điều hành Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) có văn bản gửi Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex) về việc yêu cầu Vicosimex thực hiện đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty đối với phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ và thông báo nộp tiền mua cổ phần tại Vicosimex; trong trường hợp Vicosimex không khắc phục và tiếp tục thực hiện các vi phạm nêu trên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, trong đó có Công ty Legamex, thì tiến hành gửi văn bản kiến nghị các cơ quan chức năng can thiệp và xử lý theo quy định pháp luật.	100%
9	09/NQ-HĐQT	21/7/2022	Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 lần thứ 3 vào lúc 08 giờ, ngày 12/8/2022; Ngày thông báo mời họp lần 3 là ngày 21/7/2022.	100%
10	10/NQ-HĐQT	28/7/2022	Thống nhất với đề xuất của Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại báo cáo số 31/BC-BTC ngày 28/7/2022 về việc kiến nghị bổ sung vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba, ngày 12/8/2022.	60%
11	11/NQ-HĐQT	10/8/2022	Thông qua các đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 120/TTr-TGD ngày 03/8/2022 về các nội dung liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam, họp ngày 13/8/2022.	100%
12	12/NQ-HĐQT	16/8/2022	1. Thông qua kết quả bầu ông Phạm Mạnh Bằng, hiện là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Legamex, làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Legamex cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026. 2. Liên quan đến hoạt động sản xuất gia công:	100%

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>2.1. Thông qua chủ trương Công ty Legamex đàm phán, thương thảo với đối tác Gilimex về đơn giá gia công mới, giảm tối đa từ 10-15% đơn giá đang áp dụng nhưng cần phải có phương án giảm theo lộ trình cụ thể để duy trì hoạt động gia công từ vải với doanh thu đủ bù đắp chi trả lương, chính sách phúc lợi cho người lao động và thanh toán một phần chi phí hoạt động của Công ty. Trong trường hợp không thể thương thảo với Gilimex về tỷ lệ giảm đơn giá mới, Ban điều hành báo cáo Hội đồng quản trị nhằm tìm phương án khác.</p> <p>Giao Tổng Giám đốc có báo cáo bổ sung thêm thông tin về sản xuất, chi phí có liên quan theo ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT tại cuộc họp ngày 16/8/2022.</p> <p>2.2. Tích cực tìm kiếm khách hàng với sản phẩm hàng hóa khác phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh để sản xuất thử nghiệm (bao gồm nhưng không giới hạn việc khôi phục thương hiệu may mặc Legamex); từ đó đa dạng hóa sản phẩm và doanh thu cho Công ty Legamex những tháng cuối năm 2022 và các năm tiếp theo.</p> <p>2.3. Giao người đại diện theo pháp luật – Tổng giám đốc triển khai thực hiện các giải pháp nêu trên theo quy định của Công ty và quy định pháp luật.</p>	60%
13	13/NQ-HĐQT	07/9/2022	Thông qua Tờ trình của TGD về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần và toàn bộ phần vốn là 169.000 cổ phần của Công ty Legamex đang sở hữu tại Công ty Vicosimex để giải quyết tình hình tài chính khó khăn hiện nay của Công ty Legamex.	60%
14	14/NQ-HĐQT	19/9/2022	Thông qua tờ trình của TGD về việc tiếp tục nhận gia công sản xuất từ vải theo đơn giá mới giảm 40% so với đơn giá đã ký hợp đồng hiện nay với Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Gilimex)	60%
15	15/NQ-HĐQT	03/10/2022	<p>1. Thông qua Kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) tại Tờ trình số 43/TTr-CTHĐQT ngày 26/9/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Về tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.</p> <p>3. Về giá bán khởi điểm và phương thức bán đấu giá quyền mua và toàn bộ cổ phần của Công ty Legamex sở hữu tại Công ty Vicosimex.</p>	75%
16	16/NQ-HĐQT	20/10/2022	Thông qua các đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 198/TTr-TGD ngày 13/10/2022 về các vấn đề Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.	60%

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	17/NQ-HDQT	21/10/2022	1. Về việc sửa đổi Sơ đồ tổ chức và Sơ đồ các chức danh quản lý Công ty Legamex. 2. Về việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty Legamex. 3. Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Legamex. 4. Về việc thay đổi Người phụ trách quản trị công ty.	60% 60% 50% 60%
18	18/NQ-HDQT	24/11/2022	1. Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. 2. Về việc vay vốn để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. 3. Về ngày họp của cuộc họp lần thứ hai Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty. 4. Về tình hình đơn hàng, sản xuất gia công và tài chính khó khăn hiện nay của Công ty.	60%
19	19/NQ-HDQT	13/12/2022	Thông qua dự thảo Tờ trình sửa đổi bổ sung Tờ trình số 48/TTr-HĐQT ngày 31/10/2022 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT theo đơn xin từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 để trình ĐHCĐ bất thường năm 2022 tổ chức họp lần thứ 2 ngày 16/12/2022.	60%
20	20/NQ-HDQT	22/12/2022	Thông qua việc Gia hạn thời gian vay vốn thêm 02 tháng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Legamex, các nội dung khác theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2022 của Hội đồng quản trị không thay đổi	100%

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 12/8/2022
2	Ông Nguyễn Ái	Kiểm soát viên	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 12/8/2022
3	Ông Lâm Thanh Xuân	Kiểm soát viên	Không	Không	Bổ nhiệm ngày 12/8/2022
4	Bà Võ Thị Lệ Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 12/8/2022
5	Ông Mai Thanh Tol	Kiểm soát viên	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 12/8/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu	Ghi chú
6	Bà Nguyễn Thị Hương Trinh	Kiểm soát viên	Không	Không	Miễn nhiệm ngày 12/8/2022

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ngoài việc tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2022 nêu trên thì BKS còn tổ chức họp riêng để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của BKS.

- Cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Ngọc Hiếu	1/1	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Ái	1/1	100%	100%	
3	Ông Lâm Thanh Xuân	1/1	100%	100%	
4	Bà Võ Thị Lệ Huyền	1/1	100%	100%	
5	Ông Mai Thanh Tol	1/1	100%	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Hương Trinh	1/1	100%	100%	

STT	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
1	23/5/2022	Cho ý kiến, đề xuất xem xét dự thảo tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2022	Thông nhất dự thảo Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2022
		Thảo luận các nội dung của Dự thảo tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Thông nhất các nội dung Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, thông nhất dự thảo tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
		Thảo luận các nội dung liên quan báo cáo của Ban kiểm soát về năm tài chính 2021 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	Thông nhất phát hành Báo cáo của Ban kiểm soát về năm tài chính 2021 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
2	12/8/2022	Bầu Trưởng Ban kiểm soát sau khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 triệu tập lần 3 được các cổ đông thông qua	Bầu ông Phạm Ngọc Hiếu giữ chức danh trưởng Ban kiểm soát Công ty Legamex nhiệm kỳ 2021-2026

- Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- + Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp kịp thời ở một số vấn đề có liên quan.
- + Ban Kiểm soát giám sát các hoạt động liên quan đến việc triển khai thực hiện các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.
- + Hoạt động của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành được phối hợp chặt chẽ, cởi mở và đoàn kết trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên cùng hoàn thành nhiệm vụ được Đại Hội đồng cổ đông giao

- + Ban kiểm soát thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá về tình hình công nợ, tình hình khai thác sử dụng các mặt bằng, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Bên cạnh đó, các thành viên Ban kiểm soát luôn lắng nghe ý kiến góp ý, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, công nhân viên Công ty khi họ có yêu cầu hoặc đề xuất, đồng thời luôn lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a.1. Thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền điện thoại	Tổng	Trừ thuế 10%	Còn lại
1	Ông Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch HĐQT	38.274.074	6.903.704	45.177.778	4.517.779	40.659.999
2	Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên HĐQT	12.500.000	2.314.815	14.814.815	1.481.482	13.333.333
3	Bà Đào Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	1.400.000	259.259	1.659.259	165.926	1.493.333
4	Ông Lê Xuân Khanh	Thành viên HĐQT	1.400.000	259.259	1.659.259	165.926	1.493.333
5	Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	1.400.000	259.259	1.659.259	165.926	1.493.333
6	Ông Lê Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT	11.100.000	2.055.556	13.155.556	1.315.556	11.840.000
7	Ông Huỳnh Khánh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	31.000.000	5.740.741	36.740.741	3.674.075	33.066.666
8	Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	11.100.000	2.055.556	13.155.556	1.315.556	11.840.000
9	Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	29.481.481	5.159.259	34.640.740	3.464.074	31.176.666
8	Ông Nguyễn Đông Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	19.900.000	3.685.185	23.585.185	2.358.519	21.226.666
9	Ông Dương Thanh Phong	Thành viên HĐQT	19.900.000	3.685.185	23.585.185	2.358.519	21.226.666
10	Ông Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng BKS	12.500.000	1.851.852	14.351.852	1.435.185	12.916.667
11	Ông Nguyễn Ái	Thành viên BKS	9.259.259	1.388.889	10.648.148	1.064.815	9.583.333
12	Ông Lâm Thanh Xuân	Thành viên BKS	9.259.259	1.388.889	10.648.148	1.064.815	9.583.333
13	Bà Võ Thị Lệ Huyền	Trưởng BKS	19.900.000	2.948.148	22.848.148	2.284.815	20.563.333
14	Ông Mai Thanh Tol	Thành viên BKS	14.740.741	2.211.111	16.951.852	1.695.185	15.256.667
15	Bà Nguyễn Thị Hương Trinh	Thành viên BKS	14.740.741	2.211.111	16.951.852		16.951.852
TỔNG CỘNG			257.855.555	44.377.778	302.233.333	28.528.153	273.705.180

a.2. Lương, các khoản lợi ích khác (nếu có) của Ban Tổng Giám đốc:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tổng 12 tháng	Trừ thuế TNCN	Còn lại
1	Ông Lê Hồng Chiến	TGD	414.823.808	11.459.825	403.363.983
2	Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó TGD	8.629.115		8.629.115
3	Bà Bùi Thị Hồng Thanh	Phó TGD SX	286.382.222	3.156.269	283.225.953
TỔNG CỘNG			709.835.145	14.616.094	695.219.051

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB	Cổ đông lớn	729.200	9.85%	0	0	Bán
2	Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn	Cổ đông lớn			729.200	9.85%	Mua
3	Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn	Cổ đông lớn	729.200	9.85%	0	0	Bán
4	Nguyễn Ái Châu	Vợ của Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	32.000	0.43%	0	0	Bán
5	Dư Nguyễn Khánh Linh	Cổ đông lớn			1.685.034	22.77%	Mua

c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không

d. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty Legamex tự đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty là đáp ứng các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

VI. Báo cáo tài chính

1. **Ý kiến kiểm toán:** Năm 2022, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

1.1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.10, Công ty không phát sinh chi phí thực hiện dự án ngoài chi phí là tiền thuê đất lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền

30.484.620.508 VND. Việc Công ty vốn hóa chi phí trong năm liên quan đến dự án trong thời gian tạm ngừng triển khai là chưa phù hợp;

- Như bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.3, V.16, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ quá hạn của Công ty CP Dệt may Gia Định (Công ty mẹ) với số tiền 36.379.447.944 VND, đồng thời Công ty CP Dệt may Gia Định (Công ty mẹ) cũng chưa xuất hóa đơn cho khối lượng gia công đã hoàn thành với số tiền 15.634.228.175 VND.

Nếu công ty hạch toán đầy đủ chi phí nêu trên sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1.2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán): Báo cáo tài chính được trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán và toàn bộ báo cáo tài chính đã được đăng tải trên website của Công ty tại đường dẫn: <https://legamex.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cao/bao-cao-tai-chinh>

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hồng Chiến

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 45

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6663/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005199 đăng ký lần đầu vào ngày 25 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 6 năm 2022 với mã số doanh nghiệp 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường sàn Upcom.

Mã chứng khoán : LGM.

Vốn điều lệ : 74.000.000.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : số 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : + 84-(28) 22 146 121 - 22 146 087

Fax : + 84-(28) 38 641 265

3. Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp may, công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ da thuộc, giả da, công nghiệp dệt, thêu, đan, xuất nhập khẩu trực tiếp với các sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại, giày dép các loại, sản phẩm thêu, đan, dệt kim;
- Dịch vụ viễn thông, dịch vụ văn phòng, dịch vụ chuyên môn và các thủ tục khác như thủ tục xin visa, quản lý và bảo trì toàn bộ mặt bằng kinh doanh, sản xuất của công ty. Nhận thầu, sửa chữa, xây dựng các công trình bao che công nghiệp, công trình dân dụng và nhà ở, trang trí nội thất, dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc. Ca nhạc trong nhà hàng, biểu diễn các bộ sưu tập thời trang may mặc, ăn uống giải khát, quây rượu;
- Mua bán nguyên vật liệu, phụ tùng, phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch	12/8/2022	
Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch	03/8/2017	12/8/2022
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên	12/8/2022	
Bà Đào Hồng Hạnh	Thành viên	16/12/2022	
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	16/12/2022	
Ông Lê Xuân Khanh	Thành viên	16/12/2022	
Ông Lê Ngọc Hùng	Thành viên	12/8/2022	16/12/2022
Ông Huỳnh Khánh Quốc Hùng	Thành viên	12/8/2021	16/12/2022
Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên	12/8/2022	16/12/2022
Ông Nguyễn Đông Hải	Thành viên	31/10/2019	12/8/2022
Ông Dương Thanh Phong	Thành viên	31/10/2019	12/8/2022
Ông Phạm Mạnh Bằng	Thành viên	28/12/2021	12/08/2022

4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	12/8/2022	
Bà Võ Thị Lệ Huyền	Trưởng ban	28/12/2021	12/8/2022
Ông Nguyễn Ái	Thành viên	12/8/2022	
Ông Lâm Thanh Xuân	Thành viên	12/8/2022	
Ông Mai Thanh Tol	Thành viên	28/09/2019	12/8/2022
Bà Nguyễn Thị Hương Trinh	Thành viên	28/12/2021	12/8/2022

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hồng Chiến	Tổng Giám đốc	01/02/2021	
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	21/10/2022	
Bà Bùi Thị Hồng Thanh	Phó Tổng Giám đốc	11/03/2022	21/10/2022
Bà Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	10/07/2019	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Chiến – Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 45.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đang triển khai việc bán toàn bộ phần vốn của Công ty sở hữu tại Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Quản trị.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023.

TM. Hội đồng quản trị



PHẠM MẠNH BẰNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2212/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2023, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.10, Công ty không phát sinh chi phí thực hiện dự án ngoài chi phí là tiền thuê đất lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền 30.484.620.508 VND. Việc Công ty vốn hóa chi phí trong năm liên quan đến dự án trong thời gian tạm ngừng triển khai là chưa phù hợp;

- Như bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.3, V.16, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ quá hạn của Công ty CP Dệt may Gia Định (Công ty mẹ) với số tiền 36.379.447.944 VND. Đồng thời, Công ty CP Dệt may Gia Định (Công ty mẹ) cũng chưa xuất hóa đơn cho khối lượng gia công đã hoàn thành với số tiền 15.634.228.175 VND.

Nếu công ty hạch toán đầy đủ chi phí nêu trên sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc Theo thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.2 – Nợ tiềm tàng như sau: Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐ HTKD) ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia Định (GDI) đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House (sau đây gọi tắt là “Dự án”) và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty. Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Biên bản hợp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC. Đến thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho GDI và OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 44.632.481.920 VND.

- Và theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.8, Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm lỗ với số tiền (12.744.273.972) VND, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền (70.573.237.223) VND, vốn chủ sở hữu với số tiền 17.035.036.914 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 10.050.031.019 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1523-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Bích Diễm - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 4721-2019-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		64.157.736.557	84.429.195.555
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	166.162.584	3.762.810.242
111	1. Tiền		166.162.584	862.810.242
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.917.987.063	74.788.364.892
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	51.251.586.393	58.841.634.126
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	92.661.162	15.386.759.232
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	669.625.687	659.857.713
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(95.886.179)	(99.886.179)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	10.968.793.164	5.425.263.727
141	1. Hàng tồn kho		14.516.143.079	9.680.614.620
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.547.349.915)	(4.255.350.893)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.104.793.746	452.756.694
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	602.254.464	231.160.331
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	502.539.282	221.596.363
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		47.049.551.433	46.122.870.315
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		45.122.000	45.122.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	45.122.000	45.122.000
220	II. Tài sản cố định		2.135.359.373	4.062.588.423
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	2.135.359.373	4.062.588.423
222	- Nguyên giá		85.957.253.244	86.542.803.645
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(83.821.893.871)	(82.480.215.222)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		30.484.620.508	26.870.423.548
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	30.484.620.508	26.870.423.548
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	11.280.000.000	11.280.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.280.000.000	11.280.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.104.449.552	3.864.736.344
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	179.030.284	589.672.416
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.11	2.925.419.268	3.275.063.928
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		111.207.287.990	130.552.065.870

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX)

Địa chỉ: 15 Trường Sơn, phường 5, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		94.172.251.076	100.772.754.984
310	I. Nợ ngắn hạn		74.207.767.577	82.075.302.435
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	1.600.026.136	1.411.957.517
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	160.317.130	160.342.130
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	38.396.208.843	36.924.864.093
314	4. Phải trả người lao động	V.15	7.069.130.205	7.074.011.544
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	16.630.143.757	23.543.152.744
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	7.168.507.919	8.506.261.301
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	3.000.000.000	4.260.179.519
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	183.433.587	194.533.587
330	II. Nợ dài hạn		19.964.483.499	18.697.452.549
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	77.000.000	87.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	V.20	19.887.483.499	18.610.452.549
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.035.036.914	29.779.310.886
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	17.035.036.914	29.779.310.886
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		74.000.000.000	74.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		74.000.000.000	74.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		4.003.156.282	4.003.156.282
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.605.117.855	9.605.117.855
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(70.573.237.223)	(57.828.963.251)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(57.828.963.251)	(38.745.425.008)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(12.744.273.972)	(19.083.538.243)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		111.207.287.990	130.552.065.870

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu



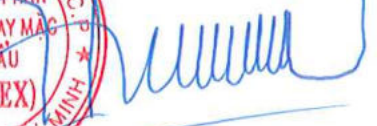
NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tổng Giám đốc

LÊ HỒNG CHIẾN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	128.778.857.301	94.466.080.009
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		39.471.226	2.686.902
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		128.739.386.075	94.463.393.107
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	121.507.066.338	99.809.421.357
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.232.319.737	(5.346.028.250)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.753.038.760	4.503.826.566
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	285.623.855	(789.410.425)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		279.658.878	132.109.288
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.386.263.670	1.862.295.163
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	14.844.864.742	13.685.155.360
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.531.393.770)	(15.600.241.782)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	189.316.741	1.155.587.835
32	12. Chi phí khác	VI.8	5.052.552.283	2.961.451.763
40	13. Lợi nhuận khác		(4.863.235.542)	(1.805.863.928)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.394.629.312)	(17.406.105.710)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.10	349.644.660	1.677.432.533
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(12.744.273.972)	(19.083.538.243)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.11	(1.722)	(2.579)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.11	(1.722)	(2.579)

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023.



Tổng Giám đốc



LÊ HỒNG CHIẾN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(12.394.629.312)	(17.406.105.710)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(439.590.281)	(9.167.974.247)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.13	1.927.229.050	2.113.782.264
03	- Các khoản dự phòng	V.7	(712.000.978)	(7.714.710.490)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.502.270	467.889
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3-VI.7	(1.936.979.501)	(3.699.623.198)
06	- Chi phí lãi vay		279.658.878	132.109.288
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(12.834.219.593)	(26.574.079.957)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		22.874.377.829	(26.203.062.989)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.7	(4.835.528.459)	10.775.250.499
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(9.202.001.856)	39.910.848.491
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.8a-V.8b	39.547.998	298.695.876
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(271.493.150)	(115.288.715)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	-	(1.161.979.088)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(11.100.000)	(22.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.240.417.231)	(3.092.015.883)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	183.940.741	122.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.500.000.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.500.000.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	1.753.038.760	884.872.250
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.936.979.501	1.007.781.341
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	12.240.507.603	11.711.395.168
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(13.500.687.122)	(7.451.215.649)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17a	(32.790.000)	(11.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.292.969.519)	4.248.429.519
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(3.596.407.249)	2.164.194.977
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.762.810.242	1.599.083.154
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(240.409)	(467.889)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	166.162.584	3.762.810.242

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN TRÀ



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023.
Giám đốc

LÊ HỒNG CHIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Sản xuất - Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp may, công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ da thuộc, giả da, công nghiệp dệt, thêu, đan, xuất nhập khẩu trực tiếp với các sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại, giày dép các loại, sản phẩm thêu, đan, dệt kim;
- Dịch vụ viễn thông, dịch vụ văn phòng, dịch vụ chuyên môn và các thủ tục khác như thủ tục xin visa, quản lý và bảo trì toàn bộ mặt bằng kinh doanh, sản xuất của công ty. Nhận thầu, sửa chữa, xây dựng các công trình bao che công nghiệp, công trình dân dụng và nhà ở, trang trí nội thất, dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc. Ca nhạc trong nhà hàng, biểu diễn các bộ sưu tập thời trang may mặc, ăn uống giải khát, quầy rượu;
- Mua bán nguyên vật liệu, phụ tùng, phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm, Doanh thu tăng do Công ty nhận được nhiều đơn hàng gia công tú vại và cho thuê tài sản.
- Công ty không phát sinh doanh thu tài chính từ kinh doanh chứng khoán. Đồng thời, trong năm công ty phát sinh chi phí lãi chậm nộp tiền thuê đất.

Nên mặc dù Doanh thu tăng, lãi gộp tăng nhưng lợi nhuận vẫn bị lỗ.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 433 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 481 nhân viên).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Bảo hiểm sức khỏe

Bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền Bảo hiểm đã trả. Tiền Bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Báo cáo tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

11. Quỹ lương

Quỹ lương được trích theo quy định của Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công chủ yếu là hàng tú vãi,...

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - + Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, tỷ giá USD: 23.410, tỷ giá EUR: 24.264,34.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được

ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	28.719.093	19.265.528
1.2	Tiền gửi ngân hàng	137.443.491	843.544.714
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	2.900.000.000
	Cộng	166.162.584	3.762.810.242

Tại ngày kết thúc năm, Công ty không có tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa đảm bảo khoản vay.

2. Đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>11.280.000.000</i>	<i>11.280.000.000</i>	<i>-</i>	<i>11.280.000.000</i>	<i>11.280.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam ⁽¹⁾	1.680.000.000	1.680.000.000	-	1.680.000.000	1.680.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định ⁽²⁾	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
Cộng	11.280.000.000	11.280.000.000	-	11.280.000.000	11.280.000.000	-

⁽¹⁾ Là khoản đầu tư số lượng 25 cổ phiếu vào Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam. Và trong năm Công ty có nhận cổ tức từ khoản đầu tư này. Công ty đang triển khai việc bán toàn bộ phần vốn của Công ty sở hữu tại Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Quản trị.

⁽²⁾ Là khoản đầu tư số lượng 800.000 cổ phiếu. Theo Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

^(*) Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	(980.979.460)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	980.979.460
Số cuối năm	-	-

Công ty không có Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Công ty không có các cam kết vốn trong tương lai.

3. Phải thu của khách hàng của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	36.562.418.317	57.397.067.317
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	36.562.418.317	36.562.418.317
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh XNK Bình Thạnh (Gilimex) (*)	-	20.834.649.000
Phải thu các khách hàng khác	14.689.168.076	1.444.566.809
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh XNK Bình Thạnh (Gilimex) (*)	11.741.033.592	-
Các khách hàng khác	2.948.134.484	1.444.566.809
Cộng	51.251.586.393	58.841.634.126

(*) Công ty CP Sản xuất Kinh doanh XNK Bình Thạnh (Gilimex) không còn là bên liên quan của Công ty từ đầu năm nay.

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	15.365.459.232
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Công ty mẹ	-	15.365.459.232
Phải thu các khách hàng khác	92.661.162	21.300.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	41.250.000	-
Các nhà cung cấp khác	51.411.162	21.300.000
Cộng	92.661.162	15.386.759.232

5. Phải thu khác

5a Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	109.536.200		31.150.000	
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	109.536.200		31.150.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	560.089.487	-	628.707.713	-
Ký cược, ký quỹ	4.100.000	-	4.100.000	-
Tạm ứng	217.340.000	-	138.850.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	-	-	2.506.849	-
Phải thu BHXH khoản trả thay	61.115.764	-	263.189.764	-
Phải thu khác	277.533.723	-	220.061.100	-
Cộng	669.625.687	-	659.857.713	-

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

5b Phải thu dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	45.122.000	-	45.122.000	-
Ký cược, ký quỹ	45.122.000	-	45.122.000	-
Cộng	45.122.000	-	45.122.000	-

Công ty không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	95.886.179	-	99.886.179	-
Quá hạn trên 03 năm	95.886.179	-	99.886.179	-
Anh Khoa	60.160.000	-	60.160.000	-
Đối tượng khác	35.726.179	-	39.726.179	-
Cộng	95.886.179	-	99.886.179	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(99.886.179)	(-)	(99.886.179)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(-)	-
Hoàn nhập dự phòng	4.000.000	-	4.000.000
Số cuối năm	(95.886.179)	(-)	(95.886.179)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	516.446.142	(159.773.235)	637.110.667	(361.063.058)
Công cụ, dụng cụ	338.973.792	(325.212.602)	345.390.279	(331.723.802)
Chi phí SXKD dở dang	676.292.870	-	532.587.350	-
Thành phẩm	12.817.995.510	(3.050.209.234)	7.908.880.220	(3.460.181.759)
Hàng hóa	166.434.170	(12.154.844)	256.494.782	(102.231.547)
Hàng gửi đi bán	595	-	151.322	(150.727)
Cộng	14.516.143.079	(3.547.349.915)	9.680.614.620	(4.255.350.893)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	159.773.235	361.063.058
Công cụ, dụng cụ	325.212.602	331.723.802
Thành phẩm	3.050.209.234	3.460.181.759
Hàng hóa	12.154.844	102.231.547
Hàng gửi đi bán	-	150.727
Cộng	3.547.349.915	4.255.350.893

Công ty không có nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa,... tồn kho được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.255.350.893)	(10.973.690.807)
Trích lập dự phòng	(981.543.534)	-
Hoàn nhập dự phòng	1.689.544.512	6.718.339.914
Số cuối năm	(3.547.349.915)	(4.255.350.893)

8. Chi phí trả trước

8a Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	100.046.067	55.521.591
Sửa chữa, cải tạo	444.845.528	108.374.128
Bảo hiểm tài sản	57.362.869	67.264.612
Cộng	602.254.464	231.160.331

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	231.160.331	534.812.575
Tăng trong năm	11.632.083.734	7.398.308.510
Phân bổ trong năm	(11.260.989.601)	(7.701.960.754)
Số cuối năm	602.254.464	231.160.331

8b Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	150.704.236	497.474.593
Chi phí khác	28.326.048	92.197.823
Cộng	179.030.284	589.672.416

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	589.672.416	584.716.048
Tăng trong năm	75.508.000	894.014.000
Phân bổ trong năm	(486.150.132)	(889.057.632)
Số cuối năm	179.030.284	589.672.416

Công ty không có chi phí trả trước được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay, nợ.

9. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	57.470.824.457	24.177.901.833	1.984.546.418	2.909.530.937	86.542.803.645
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	(470.201.600)	-	(115.348.801)	(585.550.401)
<i>Do thanh lý</i>	-	(470.201.600)	-	(115.348.801)	(585.550.401)
4. Số cuối năm	57.470.824.457	23.707.700.233	1.984.546.418	2.794.182.136	85.957.253.244
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.733.168.435	18.259.705.225	1.135.246.418	2.302.882.136	75.431.002.214
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	56.497.926.456	21.538.829.684	1.629.627.857	2.813.831.225	82.480.215.222
2. Tăng trong năm	246.297.255	1.458.088.077	138.841.668	84.002.050	1.927.229.050
<i>Khấu hao trong năm</i>	246.297.255	1.458.088.077	138.841.668	84.002.050	1.927.229.050
3. Giảm trong năm	-	(470.201.600)	-	(115.348.801)	(585.550.401)
<i>Do thanh lý</i>	-	(470.201.600)	-	(115.348.801)	(585.550.401)
4. Số cuối năm	56.744.223.711	22.526.716.161	1.768.469.525	2.782.484.474	83.821.893.871
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	972.898.001	2.639.072.149	354.918.561	95.699.712	4.062.588.423
2. Tại ngày cuối năm	726.600.746	1.180.984.072	216.076.893	11.697.662	2.135.359.373
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Công ty không có Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay.
- Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	26.870.423.548	3.614.196.960	-	30.484.620.508
<i>Dự án Lega Fashion House (*)</i>	<i>26.870.423.548</i>	<i>3.614.196.960</i>	<i>-</i>	<i>30.484.620.508</i>
Cộng	26.870.423.548	3.614.196.960	-	30.484.620.508

(*) Chủ yếu là tiền thuê đất tại số 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, TP.HCM.

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.275.063.928	(349.644.660)	-	2.925.419.268
Cộng	3.275.063.928	(349.644.660)	-	2.925.419.268

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu liên quan chủ yếu phát sinh từ trợ cấp thôi việc và dự phòng giảm giá hàng tồn kho và lỗ được chuyển.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	228.188.449	-
Công ty cổ phần Dệt May Gia Định	228.188.449	-
Phải trả nhà cung cấp khác	1.371.837.687	1.411.957.517
Công ty TNHH TV Thiết kế XD TM Hưng Việt	285.900.770	263.917.442
Công ty TNHH MTV Bao bì Phước Hiệp Thành	178.713.648	-
Các nhà cung cấp khác	907.223.269	1.148.040.075
Cộng	1.600.026.136	1.411.957.517

Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	160.317.130	160.342.130
Tiền hàng Liên bang Nga	160.317.130	160.317.130
Các khách hàng khác	-	25.000
Cộng	160.317.130	160.342.130

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	1.861.838.420	3.553.981.083	(5.696.762.422)	280.942.919	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221.596.363	-	-	-	221.596.363	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.036.898	196.542.018	(239.619.111)	-	20.959.805
Tiền thuê đất	-	34.902.995.075	13.468.468.301	(12.567.673.806)	-	35.803.789.570
Tiền lãi chậm nộp tiền thuê đất	-	-	2.571.459.468	-	-	2.571.459.468
Các loại thuế khác	-	95.993.700	128.278.777	(224.272.477)	-	-
Cộng	221.596.363	36.924.864.093	19.918.729.647	(18.728.327.816)	502.539.282	38.396.208.843

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo diện tích trong hợp đồng thuê đất và đơn giá theo quy định của Nhà nước theo từng năm hiện hành.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	7.069.130.205	7.074.011.544
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	7.069.130.205	7.074.011.544

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>15.725.405.081</i>	<i>22.768.593.566</i>
Công ty CP Dệt May Gia Định ^(*)	15.725.405.081	22.768.593.566
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>904.738.676</i>	<i>774.559.178</i>
Công ty TNHH MTV Bình Lộc Phát	478.889.700	287.375.700
Chi phí lãi vay	24.986.301	16.820.573
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	400.862.675	470.362.905
Cộng	16.630.143.757	23.543.152.744

(*) Là chi phí phải trả tiền gia công tu vải theo phụ lục 03 ngày 28/4/2022, phụ lục 04 ngày 29/7/2022 của Hợp đồng nguyên tắc số 05/2021/HĐNT/LGM-GDT ngày 20/01/2021. Và Hợp đồng số 01/2022/HĐGC/LGM-GDT, Hợp đồng số 02/2022/HĐGC/LGM-GDT, Hợp đồng số 03/2022/HĐGC/LGM-GDT.

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>357.617.025</i>	<i>396.846.370</i>
Thù lao HĐQT	265.217.025	303.246.370
Thù lao BKS	92.400.000	93.600.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.810.890.894</i>	<i>8.109.414.931</i>
Kinh phí công đoàn	1.074.376.316	1.686.925.936
Bảo hiểm xã hội	3.363.045.493	4.645.140.719
Bảo hiểm y tế	92.537.280	94.380.480
Bảo hiểm thất nghiệp	302.801.020	83.794.880
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	558.000.000	160.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.199.369.000	1.232.159.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	220.761.785	207.013.916
Cộng	7.168.507.919	8.506.261.301

17b. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	77.000.000	87.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	77.000.000	87.000.000
Cộng	77.000.000	87.000.000

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	4.260.179.519	4.260.179.519
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	4.260.179.519	4.260.179.519
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn</i>	-	-	4.260.179.519	4.260.179.519
Vay ngắn hạn của cá nhân	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
<i>Đình Văn Chiến (*)</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	4.260.179.519	4.260.179.519

(*) Khoản vay theo hợp đồng số 01-2022/HĐVV ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (LEGAMEX) và Ông Đình Văn Chiến. Và Phụ lục số 02/PLHĐCV ngày 22 tháng 02 năm 2023.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trả lương cho người lao động, công nợ đối tác gia công lại và các nhà cung cấp).
- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng
- Lãi suất cho vay: 8%/ năm
- Thời hạn cho vay: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 23 tháng 4 năm 2023.
- Vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.260.179.519	9.240.507.603	(13.500.687.122)	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN.Bắc Sài Gòn	4.260.179.519	9.240.507.603	(13.500.687.122)	-
Vay ngắn hạn của cá nhân		3.000.000.000	-	3.000.000.000
Đình Văn Chiến (*)		3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cộng	4.260.179.519	12.240.507.603	(13.500.687.122)	3.000.000.000

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	17.161.794	-	-	17.161.794
Quỹ phúc lợi	177.371.793	-	(11.100.000)	166.271.793
Quỹ thưởng BĐH	-	-	-	-
Cộng	194.533.587		(11.100.000)	183.433.587

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.620.970.125	159.743.462	(218.422.250)	-	2.562.291.337
Dự phòng cho dự án Lega Fashion House (*)	15.989.482.424	1.335.709.738	-	-	17.325.192.162
Cộng	18.610.452.549	1.495.453.200	(218.422.250)	-	19.887.483.499

(*) Theo đề nghị của Công ty tại Văn bản số 106/2014/LG-DA ngày 18 tháng 6 năm 2014 về miễn tiền thuê đất đối với khu đất tại địa chỉ số 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh (Dự án Lega Fashion House). Theo thông báo Tạm miễn tiền thuê đất số 13698/TB-CK-KTTĐ ngày 20 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh cho lô đất nói trên, Công ty được tạm miễn tiền thuê đất trong giai đoạn xây dựng cơ bản từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với điều kiện sau khi công trình được hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng. Công ty phải xuất trình đầy đủ giấy tờ để Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh có căn cứ để ban hành quyết định miễn tiền thuê đất.

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017, Công ty chưa thực hiện các hoạt động xây dựng cơ bản liên quan đến Dự án Lega Fashion House. Ngoài ra, tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nộp tiền thuê đất cho giai đoạn miễn giảm nêu trên. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền thuê đất cho Dự án trên giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với số tiền 12.198.262.453 VND, và tiền chậm nộp tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 số tiền 1.119.800.493 VND, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền 1.335.709.739 VND, từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền 1.335.709.739 VND. Tổng số tiền đã lập dự phòng đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 15.989.482.424 VND. Công ty được miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗi trong kỳ tính thuế năm 2020 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 nên Công ty không trích lãi chậm nộp cho 2 năm trên. Tiền lãi chậm nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền 1.335.709.738 VND.

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(38.745.425.008)	48.862.849.129
Tăng trong năm trước	-	-	-	(19.083.538.243)	(19.083.538.243)
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(57.828.963.251)	29.779.310.886
Tăng trong năm	-	-	-	(12.744.273.972)	(12.744.273.972)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(70.573.237.222)	17.035.036.914

21b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	51,00%	37.740.000.000	37.740.000.000
Các cổ đông khác	49,00%	36.260.000.000	36.260.000.000
Cộng	100,00%	74.000.000.000	74.000.000.000

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	74.000.000.000	74.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	74.000.000.000	74.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21d. Cổ phiếu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21e. Cổ tức

Trong năm, Công ty không chia cổ tức.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc năm tài chính		
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

21f. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển phải theo chính sách tài chính hiện hành đối với từng loại doanh nghiệp hoặc quyết định của chủ sở hữu.

21g. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	(57.828.963.251)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.744.273.972)
Phân phối trong năm:	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(70.573.237.223)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Ngoại tệ các loại				
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	544,24	12.860.338	484,84	10.976.778
<i>Euro (EUR)</i>	97,4	2.407.578	108,32	2.750.387
<i>Francs Bỉ (BEF)</i>	1.200	441.116	1.200	441.116

Nguyên vật liệu nhận giữ hộ là các loại tủ chưa vỏ nhựa và các loại phụ liệu đi kèm như băng dính, nhãn may, bao PE,...

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	126.588.921	5.980.455
Doanh thu bán thành phẩm	125.803.753.513	94.195.522.161
Doanh thu cho thuê tài sản	2.544.524.675	-
Doanh thu khác	303.990.192	264.577.393
Cộng	128.778.857.301	94.466.080.009

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định – Công ty mẹ	29.218.291	-
Công ty CP SX KD XNK Bình Thạnh (Gilimex)	-	80.666.519.288
Cộng	29.218.291	80.666.519.288

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	107.223.907	3.661.042
Giá vốn của thành phẩm đã bán	121.702.416.582	106.479.628.319
Giá vốn cho thuê tài sản	229.983.424	-
Giá vốn khác	175.443.403	44.471.710
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(708.000.978)	(6.718.339.914)
Cộng	121.507.066.338	99.809.421.357

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.690.000.000	845.000.000
Lãi tiền gửi	63.038.760	42.379.099
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	3.616.447.467
Cộng	1.753.038.760	4.503.826.566

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	279.658.878	132.109.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.435.972	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	2.502.270	467.889
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(980.979.460)
Chi phí khác	1.026.735	58.991.858
Cộng	285.623.855	(789.410.425)

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	868.537.984	1.059.761.759
Chi phí vật liệu, bao bì	5.938.000	2.404.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.516.483	35.270.983
Chi phí mua ngoài	58.455.918	99.165.430
Chi phí khác bằng tiền	449.815.285	665.692.191
Cộng	1.386.263.670	1.862.295.163

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.092.984.001	6.922.239.955
Chi phí đồ dùng văn phòng	45.784.475	100.348.729
Chi phí khấu hao TSCĐ	342.327.434	408.959.809
Thuế, phí, lệ phí	90.117.073	79.277.723
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(4.000.000)	(15.391.116)
Chi phí mua ngoài	711.643.928	1.222.288.562
Chi phí khác bằng tiền	5.566.007.831	4.967.431.698
Cộng	14.844.864.742	13.685.155.360

7. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	183.940.741	122.909.091
Thu nhập khác	5.376.000	1.032.678.744
Cộng	189.316.741	1.155.587.835

8. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí chậm nộp tiền thuê đất	3.907.169.206	-
Chi phí tiêu hủy hàng hóa	967.898.568	-
Phạt chậm nộp	151.201.715	-
Chi phí khác	26.282.794	2.961.451.763
Cộng	5.052.552.283	2.961.451.763

9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.394.629.312)	(17.406.105.710)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>5.600.999.667</i>	<i>5.159.407.556</i>
Chi phí không được trừ	1.199.095.239	4.746.295.119
Chi phí lãi chậm nộp tiền thuê đất	3.907.169.206	-
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	212.574.074	280.535.260
Chi phí lãi vay theo NĐ 132	279.658.878	132.109.288
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của tài khoản ngân hàng, phải thu	2.502.270	467.889
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(3.379.544.512)</i>	<i>(7.563.339.914)</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.690.000.000)	(845.000.000)
Hoàn nhập dự phòng HTK	(1.689.544.512)	(6.718.339.914)
Thu nhập chịu thuế	(10.173.174.157)	(19.810.038.068)
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(31.948.692)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	381.593.352	1.677.432.533
Cộng	349.644.660	1.677.432.533

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.744.273.972)	(19.083.538.243)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(-)	(-)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.744.273.972)	(19.083.538.243)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.400.000	7.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.722)	(2.579)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.400.000	7.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
...	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.400.000	7.400.000

11b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.744.273.972)	(19.083.538.243)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(12.744.273.972)	(19.083.538.243)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.400.000	7.400.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.722)	(2.579)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.400.000	7.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.400.000	7.400.000

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.329.947.715	3.217.281.609
Chi phí nhân công	57.944.763.230	48.824.732.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.927.229.050	2.113.782.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.803.758.283	46.401.859.658
Chi phí khác	15.618.627.552	15.129.928.824
Cộng	145.624.325.830	115.687.584.675

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) cho Dự án Lega Fashion House (Dự án), theo đó Công ty góp vốn bằng Quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền.

Theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐ HTKD) ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia Định (GDI) đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House (sau đây gọi tắt là “Dự án”) và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty.

Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho GDI và OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 44.632.481.920 VND.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Trong năm, Công ty không có tài sản cho thuê hoạt động.

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt ()*

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.113.085.874	1.214.517.146
Thù lao	302.233.333	315.246.370
Tiền thưởng	-	-
Cổ tức	-	-
Cộng	1.415.319.207	1.529.763.516

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Chi tiết	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cộng
<i>Năm nay</i>					
<i>Hội đồng quản trị</i>		<i>78.099.115</i>	<i>209.833.333</i>	-	<i>287.932.448</i>
Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	34.640.740	-	34.640.740
Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch HĐQT	-	45.177.778	-	45.177.778
Nguyễn Đông Hải	Thành viên	-	23.585.185	-	23.585.185
Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	59.815.115	14.814.815	-	74.629.930
Dương Anh Tuấn	Thành viên	-	13.155.556	-	13.155.556
Lê Ngọc Hùng	Thành viên	-	13.155.556	-	13.155.556
Dương Thanh Phong	Thành viên	-	23.585.185	-	23.585.185
Đào Hồng Hạnh	Thành viên	-	1.659.259	-	1.659.259
Lê Xuân Khanh	Thành viên	18.284.000	1.659.259	-	19.943.259
Huỳnh Khánh Quốc Hùng	Thành viên	-	36.740.741	-	36.740.741
Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	-	1.659.259	-	1.659.259
<i>Ban Kiểm soát</i>		<i>122.907.769</i>	<i>92.400.000</i>	-	<i>215.307.769</i>
Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	-	14.351.852	-	14.351.852
Võ Thị Lệ Huyền	Trưởng ban	-	22.848.148	-	22.848.148
Nguyễn Ái	Thành viên	-	10.648.148	-	10.648.148
Lâm Thanh Xuân	Thành viên	-	10.648.148	-	10.648.148

Mai Thanh Tol		-	16.951.852	-	16.951.852
Nguyễn Thị Hương Trình	Thành viên	122.907.769	16.951.852	-	139.859.621
<i>Ban Điều hành</i>		912.078.990	-	-	912.078.990
Lê Hồng Chiến	Tổng Giám Đốc	429.195.808	-	-	429.195.808
Bùi Thị Hồng Thanh	P.TGD	175.763.259	-	-	175.763.259
Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	307.119.923	-	-	307.119.923
Cộng		1.113.085.874	302.233.333	-	1.415.319.207
<i>Năm trước</i>	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cộng
<i>Hội đồng quản trị</i>		178.625.903	221.646.370	-	400.272.273
Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	46.800.000	-	46.800.000
Nguyễn Đông Hải	Thành viên	-	34.800.000	-	34.800.000
Bùi Văn Xuân	Thành viên	-	34.370.370	-	34.370.370
Nguyễn Minh Nhật	Thành viên	-	34.370.370	-	34.370.370
Lê Thị Thu Hồng	Thành viên	178.625.903	34.370.370	-	212.996.273
Dương Thanh Phong	Thành viên	-	34.800.000	-	34.800.000
Phạm Nhật Vinh	Thành viên	-	1.276.000	-	1.276.000
Phạm Mạnh Bằng	Thành viên	-	429.630	-	429.630
Huỳnh Khánh Quốc Hùng	Thành viên	-	429.630	-	429.630
<i>Ban Kiểm soát</i>		163.275.411	93.600.000	-	256.875.411
Phan Thị Phụng	Trưởng ban	-	37.925.926	-	37.925.926
Trần Văn Lý	Thành viên	-	27.259.260	-	27.259.260
Mai Thanh Tol	Thành viên	-	27.600.000	-	27.600.000
Võ Thị Lệ Huyền	Trưởng ban	-	474.074	-	474.074
Nguyễn Thị Hương Trình	Thành viên	163.275.411	340.740	-	163.616.151
<i>Ban Điều hành</i>		872.615.832	-	-	872.615.832
Võ Bình	Tổng Giám Đốc	7.854.000	-	-	7.854.000
Lê Hồng Chiến	Tổng Giám Đốc	431.750.077	-	-	431.750.077
Mai Huy	P.TGD	156.691.192	-	-	156.691.192
Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	276.320.563	-	-	276.320.563
Cộng		1.214.517.146	315.246.370	-	1.529.763.516

4b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	Công ty mẹ
Công ty CP SX KD XNK Bình Thạnh (Gilimex)	Không còn là bên liên quan từ đầu năm nay

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định</i>		
Phải trả tiền hàng gia công	63.497.188.053	36.666.566.660
Trả tiền mua hàng	(54.957.258.857)	(30.753.524.232)
<i>Công ty CP SX KD XNK Bình Thạnh (Gilimex)</i>		
Phải thu tiền hàng gia công	-	80.666.519.288
Thu tiền bán hàng	-	67.875.312.217
Cần trừ công nợ	-	23.210.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. Chi phí lãi vay vốn hoá

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

6. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động bán hàng	Hoạt động gia công	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.345.869.737	115.545.001.471	2.848.514.867	128.739.386.075
Giá vốn hàng bán	8.825.991.060	112.275.648.451	405.426.827	121.507.066.338
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.519.878.677	3.269.353.020	2.443.088.040	7.232.319.737
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.212.090.926	84.986.724.788	264.577.393	94.463.393.107
Giá vốn hàng bán	4.062.993.527	95.701.956.120	44.471.710	99.809.421.357
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.149.097.399	(10.715.231.332)	220.105.683	(5.346.028.250)

6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

8. Khả năng hoạt động liên tục

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm lỗ với số tiền (12.744.273.972) VND, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền (70.573.237.223) VND, vốn chủ sở hữu với số tiền 17.035.036.914 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 10.050.031.019 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty đảm bảo sẽ thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và không có kế hoạch giải thể trong năm sau. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đang triển khai việc bán toàn bộ phần vốn của Công ty sở hữu tại Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Quản trị.

10. Những Thông tin khác

Công ty ký hợp đồng thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm và được cấp các Quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB971036, số vào sổ cấp GCN CT01981 cấp ngày 06/08/2010 theo Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 và Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 27/04/2009 của UBND TP.HCM.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA489864, số vào sổ cấp GCN CT04664 cấp ngày 10/12/2010 theo QĐ số 5344/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 của UBND TP.HCM.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC236582, số vào sổ cấp GCN T00203 cấp ngày 09/02/2006.

Công ty không sử dụng các Quyền sử dụng đất trên để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tổng Giám đốc



LÊ HỒNG CHIẾN